

Số: /TB-XHNV

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức các lớp bổ sung kiến thức sau đại học dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2025

Căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 2458/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 06 năm 2024 về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 2459/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 06 năm 2024 về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHKHXHNV) thông báo tổ chức các lớp bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ năm 2025 cụ thể:

1. Danh mục các ngành/chương trình đào tạo dự tuyển trình độ bậc thạc sĩ

| TT | Ngành/chương trình đào tạo thạc sĩ | Đơn vị quản lý CTĐT |
|----|---|--------------------------------------|
| 1. | Ngành Báo chí Báo chí học | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông |
| 2. | Ngành Công tác xã hội Công tác xã hội | Khoa Xã hội học |
| 3. | Ngành Chính trị học Chính trị học | Khoa Khoa học chính trị |
| 4. | Ngành Chính sách công Chính sách công | Khoa Khoa học quản lý |
| 5. | Ngành Du lịch Du lịch | Khoa Du lịch học |
| 6. | Ngành Đông Phương học Châu Á học | Khoa Đông Phương học |

| TT | Ngành/chương trình đào tạo thạc sĩ | Đơn vị quản lý CTĐT |
|-----|---|--|
| | Ngành Hán Nôm | |
| 7. | Hán Nôm | Khoa Văn học |
| | Ngành Khoa học quản lí | |
| 8. | Khoa học quản lí | Khoa Khoa học quản lí |
| | Ngành Khoa học Thông tin – Thư viện | |
| 9. | Khoa học Thông tin - Thư viện | Khoa Thông tin – Thư viện |
| | Ngành Lịch sử | |
| 10. | Lịch sử | Khoa Lịch sử |
| | Ngành Lí luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình | |
| 11. | Lí luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình | Khoa Văn học |
| | Ngành Lưu trữ học | |
| 12. | Lưu trữ học | Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng |
| | Ngành Ngôn ngữ học | |
| 13. | Ngôn ngữ học | Khoa Ngôn ngữ học |
| | Ngành Nhân học | |
| 14. | Nhân học | Khoa Nhân học |
| | Ngành Nhật Bản học | |
| 15. | Nhật Bản học | Khoa Đông Phương học |
| | Ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ | |
| 16. | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Khoa Khoa học quản lí |
| | Ngành Quản lý văn hóa | |
| 17. | Quản lý văn hóa | Khoa Lịch sử |
| | Ngành Quản trị báo chí truyền thông | |
| 18. | Quản trị báo chí truyền thông (định hướng ứng dụng) | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông |
| | Ngành Quản trị văn phòng | |
| 19. | Quản trị văn phòng | Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng |
| | Ngành Quốc tế học | |
| 20. | Quan hệ quốc tế | Khoa Quốc tế học |
| | Ngành Tâm lý học | |
| 21. | Tâm lý học | |
| | Ngành Tâm lý học lâm sàng | |
| 22. | Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng) | Khoa Tâm lý học |
| | Ngành Tôn giáo học | |
| 23. | Tôn giáo học | |
| 24. | Công tác tín ngưỡng, tôn giáo | Bộ môn Tôn giáo học |
| | Ngành Triết học | |
| 25. | Triết học | Khoa Triết học |
| | Ngành Văn hóa học | |
| 26. | Văn hóa học | Khoa Lịch sử |
| | Ngành Văn học | |
| | | Khoa Văn học |

| TT | Ngành/chương trình đào tạo thạc sĩ | Đơn vị quản lý CTĐT |
|-----|------------------------------------|---------------------------------|
| 27. | Văn học | |
| | Ngành Việt Nam học | Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt |
| 28. | Việt Nam học | |
| | Ngành Xã hội học | Khoa Xã hội học |
| 29. | Xã hội học | |

2. Danh mục các ngành/chương trình đào tạo dự tuyển trình độ bậc tiến sĩ

| TT | Ngành/chương trình đào tạo tiến sĩ | Đơn vị quản lý CTĐT |
|-----|--|--|
| | Ngành Báo chí học | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông |
| 1. | Báo chí học | |
| | Ngành Công tác xã hội | Khoa Xã hội học |
| 2. | Công tác xã hội | |
| | Ngành Chính trị học | Khoa Khoa học chính trị |
| 3. | Chính trị học | |
| | Ngành Du lịch | Khoa Du lịch học |
| 4. | Du lịch | |
| | Ngành Đông Phương học | Khoa Đông Phương học |
| 5. | Đông Nam Á học | |
| 6. | Trung Quốc học | |
| | Ngành Hán Nôm | Khoa Văn học |
| 7. | Hán Nôm | |
| | Ngành Khoa học Thông tin – Thư viện | Khoa Thông tin – Thư viện |
| 8. | Khoa học Thông tin - Thư viện | |
| | Ngành Lịch sử | Khoa Lịch sử |
| 9. | Khảo cổ học | |
| 10. | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | |
| 11. | Lịch sử sử học và sử liệu học | |
| 12. | Lịch sử thế giới | |
| 13. | Lịch sử Việt Nam | |
| | Ngành Lưu trữ học | Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng |
| 14. | Lưu trữ học | |
| | Ngành Ngôn ngữ học | Khoa Ngôn ngữ học |
| 15. | Ngôn ngữ học | |
| 16. | Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam | |
| 17. | Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu | |
| 18. | Ngôn ngữ Việt Nam | |
| | Ngành Nhân học | Khoa Nhân học |
| 19. | Nhân học | |
| | Ngành Nhật Bản học | Khoa Đông Phương học |

| TT | Ngành/chương trình đào tạo tiến sĩ | Đơn vị quản lý CTĐT |
|-----|--|---------------------------------|
| 20. | Nhật Bản học | |
| | Ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ | |
| 21. | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Khoa Khoa học quản lý |
| | Ngành Quản lý văn hóa | |
| 22. | Quản lý văn hóa | Khoa Lịch sử |
| | Ngành Quốc tế học | |
| 23. | Quan hệ quốc tế | Khoa Quốc tế học |
| | Ngành Tâm lý học | |
| 24. | Tâm lý học | Khoa Tâm lý học |
| | Ngành Tôn giáo học | |
| 25. | Tôn giáo học | Bộ môn Tôn giáo học |
| | Ngành Triết học | |
| 26. | Triết học | Khoa Triết học |
| | Ngành Văn học | |
| 27. | Lý luận văn học | |
| 28. | Văn học dân gian | |
| 29. | Văn học nước ngoài | |
| 30. | Văn học Việt Nam | |
| | Ngành Việt Nam học | |
| 31. | Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam | Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt |
| | Ngành Xã hội học | |
| 32. | Xã hội học | Khoa Xã hội học |

3. Đối tượng tham gia các chương trình bổ sung kiến thức sau đại học:

Các đối tượng có nhu cầu tham gia dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ/tiến sĩ tại Trường ĐHKHXHNV nhưng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ **không thuộc danh mục ngành phù hợp (diện không phải học bổ sung kiến thức)** với chuyên ngành dự thi tuyển sinh thạc sĩ/tiến sĩ thì phải học bổ sung kiến thức đại học trước khi dự tuyển.

Danh mục điều kiện, đối tượng tuyển sinh các chương trình đào tạo thạc sĩ: xem tại **Phụ lục 1**.

Danh mục điều kiện, đối tượng tuyển sinh các chương trình đào tạo tiến sĩ: xem tại **Phụ lục 2**.

4. Thời gian tổ chức đào tạo:

Thời gian tổ chức đào tạo các chương trình bổ sung kiến thức ngoài giờ hành chính. Trường ĐHKHXHNV liên tục nhận hồ sơ và mở lớp đào tạo theo khung lịch trình như sau:

| Đợt tuyển sinh hàng năm | Thời gian đăng kí và nộp hồ sơ học bổ sung kiến thức | Thời gian tổ chức khóa học | Lịch đăng kí dự tuyển sau đại học của ĐHQGHN (dự kiến) |
|--------------------------------|---|--|--|
| Đợt 1 năm 2025 | Từ ngày thông báo mở lớp đến trước 17h00 ngày 15/3/2025 | Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025 | Từ tháng 10/3/2025 đến 29/4/2025 |
| Đợt 2 năm 2025 | Trước ngày 30/6/2025 | Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2025 | Từ tháng 16/6/2025 đến 30/9/2025 |
| Đợt 1 năm 2026 | Trước ngày 31/10/2025 | Từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 01 năm 2026 | Từ tháng 3/2026 |

5. Hồ sơ đăng kí gồm:

- Phiếu đăng kí đào tạo (*theo mẫu kèm theo*)
- Bằng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ và bằng điểm đại học/thạc sĩ (*bản sao có chứng thực*). Đối với người dự tuyển có văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, cần nộp kèm theo bản sao chứng thực Giấy Chứng nhận văn bằng do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.
- Căn cước công dân (*bản sao có chứng thực*)

6. Phát hành và thu nhận hồ sơ

Phát hành hồ sơ:

Ứng viên tải mẫu đăng ký kèm theo Thông báo này và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại mục trên. (*Hồ sơ phải được cho vào túi đựng hồ sơ do ứng viên tự chuẩn bị, bên ngoài túi đựng hồ sơ ghi rõ các thông tin: Họ và tên, ngày sinh, trình độ dự tuyển, ngành/chương trình đào tạo dự tuyển, email và điện thoại liên hệ*)

Thu nhận hồ sơ:

Ứng viên nộp hồ sơ trong thời gian quy định về đăng kí và nộp hồ sơ học bổ sung kiến thức tại Văn phòng các Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách đào tạo các chuyên ngành thạc sĩ/tiến sĩ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, địa chỉ 336 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội.

Lưu ý: Các hồ sơ nộp sau mốc thời gian quy định và sau thời điểm có quyết định mở lớp cho từng đợt sẽ được chuyển sang đăng kí cho đợt tổ chức đào tạo kế tiếp.

Liên hệ thu nhận hồ sơ đăng kí học bổ sung kiến thức: xem tại **Phụ lục 3**.

7. Thời lượng và các học phần học bổ sung kiến thức:

Thời lượng/học phần bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ: xem tại **Phụ lục 4**

Thời lượng/học phần bổ sung kiến thức trình độ tiến sĩ: xem tại **Phụ lục 5**

8. Học phí:

Trên cơ sở thực tế số lượng học viên đăng kí tham gia, Trường ĐHKHXHNV sẽ quyết định mức học phí cụ thể và thông báo tới người học theo từng chương trình đào tạo đăng kí theo quy định của Nhà trường.

9. Thông tin liên hệ:

Điều phối tổ chức các chương trình bổ sung kiến thức sau đại học:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Email: tuyensinhsdh@ussh.edu.vn

Tư vấn, thu nhận hồ sơ đăng kí học bổ sung kiến thức:

Trợ lý các Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách đào tạo các chuyên ngành thạc sĩ/tiến sĩ: cụ thể tại **Phụ lục 3**.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các Khoa/Viện/Bộ môn (đề t/h);
- Phòng KH-TC, TTr-PC (đề p/h)
- Các cơ quan/đơn vị;
- Các ứng viên có nhu cầu;
- Lưu VT, ĐT.

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS Đặng Thị Thu Hương

PHIẾU ĐĂNG KÍ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

I. Thông tin người học:

Họ và tên:..... Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh:...../...../..... Nơi sinh:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Văn bằng đã tốt nghiệp: Đại học Thạc sĩ

Tên đơn vị đào tạo:.....

Năm tốt nghiệp:..... Xếp loại tốt nghiệp:.....

Hình thức đào tạo: Chính quy Không chính quy

Ngành đào tạo (ghi trên văn bằng):.....

Chuyên ngành (ghi trên bằng điểm nếu có):.....

II. Thông tin đăng kí học bổ sung kiến thức:

Bậc dự tuyển: Thạc sĩ Tiến sĩ

Ngành/Chương trình đào tạo:.....

Đơn vị đào tạo (Khoa/Viện/ Bộ môn):.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Người đăng kí
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: người đăng kí học BTKT nộp hồ sơ gồm **Phiếu này** kèm theo bản sao chứng thực các loại giấy tờ:
- **Bằng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ;**
- **Bằng điểm đại học/thạc sĩ;**
- **Căn cước công dân.**

PHỤ LỤC 1:

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|-----------------------------|---|---|---|--|---|
| 1. | 8320101 | Báo chí học | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí học, cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Quan hệ công chúng</i> | <p>- Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài; Xã hội học và Nhân học; Thông tin – thư viện; Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i></p> <p>- Các ngành: <i>Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 2. | 8310608.01 | Châu Á học | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học, cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Ả-rập, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Sư phạm Tiếng Anh.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3:</p> <p><i>Báo chí và truyền thông, Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Sư</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|--|--|
| | | | | <i>phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</i> | chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Có 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự thi. |
| 3. | 8340402 | Chính sách công | Các ngành: <i>Khoa học quản lí, Chính trị học, Luật.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Xã hội và nhân học, Tâm lí học, nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: tất cả các ngành còn lại.</p> | | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|-------------------------|---|--|--|--|--|
| 4. | 8310201 | Chính trị học | Các ngành: <i>Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: Các ngành: <i>Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 5. | 8760101 | Công tác xã hội | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội, cụ thể: <i>Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật</i> | <p>- Các ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Quản trị- Quản lý, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục. <i>Cụ thể: Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục</i></p> <p>- Các ngành: <i>Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Văn hóa học, Gia đình học, Chính trị học, Đông Phương học, Giáo dục đặc biệt, Giới và Phát triển, Quản lý dự án, Luật, Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam Y tế công cộng, Điều dưỡng, Y học dự phòng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|--|--|
| 6. | 8810101 | Du lịch | Các ngành: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành thuộc nhóm ngành: Du lịch, Khách sạn – nhà hàng, Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Luật kinh tế, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Xã hội học, Nhân học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.</i> + Các ngành: <i>Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 cần có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực du lịch. - Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 3 cần có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực du lịch. |
| 7. | 8220104 | Hán Nôm | Ngành: <i>Hán Nôm</i> | Các ngành: <i>Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.</i> | Không tuyển | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|--|--|
| | | | | | | bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |
| 8. | 8340401 | Khoa học quản lý | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Khoa học quản lý. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Khoa học chính trị, Xã hội và nhân học, Công tác xã hội. Cụ thể: <i>Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật</i> + Ngành: <i>Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản lý tài nguyên và môi trường; Chính trị học, Quản trị khách sạn, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thông tin, Các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý, quản trị.</i> - Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại.</p> | | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2, phù hợp 3 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng kí dự tuyển (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự tuyển). |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|---|---|
| 9. | 8320201 | Khoa học thông tin thư viện | Các ngành: <i>Thông tin – Thư viện, Khoa học thư viện, Thông tin học, Quản lý thông tin.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng, Xuất bản – phát hành. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i> + Ngành: <i>Lịch sử, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện đăng kí dự tuyển</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|--|--|---|--|
| 10. | 8210231 | Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình | <p>Các ngành: Công nghệ điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Đạo diễn sân khấu; Hội họa; Điều khắc; Kiến trúc; Đồ họa; Thiết kế đồ họa; Văn học; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật.</p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Ngôn ngữ học.</i> + Các ngành: <i>Sư phạm Ngữ văn; Văn hóa học; Báo chí; Xã hội học; Tâm lý học; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh; Nhiếp ảnh; Thông tin - Thư viện; Quản lý thông tin; Quan hệ công chúng; Quốc tế học; Đông phương học; Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lý luận, lịch sử và phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lý văn hóa; Sáng tác văn học; Quản lý dự án; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Mỹ thuật đô thị; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế thời trang; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm mỹ thuật; Sư phạm âm nhạc; Việt Nam học; Châu Á học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Triết học; Tôn giáo học; Nhân học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|---|--|--|--|
| 11. | 8229010 | Lịch sử | Các ngành: <i>Lịch sử, Sử phạm lịch sử.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Khác của lĩnh vực Nhân văn, Khu vực học, Khoa học chính trị, Văn thư- Lưu trữ- Bảo tàng. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Lưu trữ học, Bảo tàng học</i> + Các ngành: <i>Địa lý học, Thông tin – Thư viện, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Quản trị khách sạn.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Các ngành: <i>Tâm lý học, Công tác xã hội, Khoa học quản lý, Quan hệ công chúng, Báo chí, Quản trị văn phòng, Giáo dục chính trị.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 12. | 8320303 | Lưu trữ học | Các ngành: <i>Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Quản lý - Quản trị, Thông tin – Thư viện. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin</i> + Các ngành: <i>Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quản trị văn phòng, Công tác xã hội, Đông phương học, Hàn Nôm, Khoa học quản lý, Nhân học, Quan hệ quốc tế, Tâm lý học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Quản lý văn hoá, Quản lý thông tin, Quản lý công.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> <p>- Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|--|---|--|---|
| | | | | | | vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện đăng kí dự tuyển |
| 13. | 8229020 | Ngôn ngữ học | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ và Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài và Sư phạm tiếng dân tộc thiểu số trong nhóm ngành Đào tạo giáo viên, Khu vực học. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Sư phạm Tiếng Bana, Sư phạm Tiếng Êđê, Sư phạm Tiếng Jrai, Sư phạm Tiếng Khmer, Sư phạm Tiếng H'mong, Sư phạm Tiếng Chăm, Sư phạm Tiếng M'ông, Sư phạm Tiếng Xêđăng, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Ngôn ngữ J'rai, Ngôn ngữ Chăm, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ Hmông, Nhân học, Văn học, Sư phạm ngữ văn, Văn hóa học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |
| 14. | 8310302 | Nhân học | Ngành: <i>Nhân học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: <i>Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Tôn giáo học, Triết học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Gia đình học, Chính trị học, Xã hội học, Tâm lý học, Khoa học quản lý, Bảo tàng học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Địa lý học, Châu Á học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quốc tế học, Bảo tồn di sản</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|--|---|--|---|
| | | | | <i>kiến trúc - Đô thị, Đô thị học, Phát triển nông thôn, Công tác xã hội, Y tế công cộng, Du lịch.</i> | dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |
| 15. | 8310613 | Nhật Bản học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> | | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 1, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | |
| 16. | 8310601.01 | Quan hệ quốc tế | - Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> - Ngành: <i>Quan hệ quốc tế.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Xã hội học và Nhân học, Khác thuộc lĩnh vực Nhân văn, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Xã hội học, Nhân học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập</i> + Các ngành: <i>Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga,</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|---|--|--|--|
| | | | | <i>Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Chính trị học, Quản lý công, Công tác xã hội, Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh.</i> | hiện hành. | - Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành <i>Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh</i> yêu cầu có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế. |
| 17. | 8340412 | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Ngành: <i>Khoa học quản lý.</i> | Tất cả các ngành | | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng kí dự tuyển |
| 18. | 8319042 | Quản lý văn hoá | Các ngành: <i>Quản lý văn hoá, Lịch sử, Văn hoá học, Khoa học quản lý, Nhân học.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Khác trong lĩnh vực nhân văn, Khu vực học, Văn thư- Lưu trữ- Bảo tàng. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học,</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-----------------------------|---|--|--|---|--|
| | | | | <p><i>Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Các ngành liên quan đến quản lý, Thông tin – Thư viện, Hán Nôm, Báo chí, Xã hội học, Quan hệ công chúng, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Chính trị học, Tâm lý học, Công tác xã hội.</i></p> | <p>Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>bổ khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> <p>- Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng kí dự tuyển</p> |
| 19. | 8320109 | Quản trị báo chí truyền thông (định hướng ứng dụng) | <p>Các ngành thuộc nhóm ngành Báo chí - Truyền thông. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài; Xã hội học và Nhân học; Thông tin – thư viện, Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học. - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng kí dự tuyển</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|---|---|--|--|
| 20. | 8340406 | Quản trị văn phòng | Các ngành: <i>Lưu trữ học và Quản trị văn phòng; Quản trị văn phòng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2 : + Ngành thuộc nhóm ngành: Quản trị - Quản lý; Thông tin – Thư viện; Lưu trữ học. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i> + Ngành: <i>Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2/phù hợp 3 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng kí dự tuyển |
| 21. | 8310401 | Tâm lý học | Các ngành: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i> + Các ngành: <i>Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Sư phạm mẫu giáo, Quản lý giáo dục, Y tế công cộng, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Chính trị học, Quản trị nhân lực, Du lịch, Khoa học quản lý, Luật, Triết học, Tôn giáo học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|---|--|--|---|
| 22. | 8310402 | Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng) | Các ngành: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và nhân học, Y học. <i>Cụ thể: Xã hội học, Nhân học, Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền</i> + Các ngành: <i>Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Y tế công cộng, Điều dưỡng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Người có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại Khá cần có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác. - Người có bằng tốt nghiệp đại học đạt dưới loại Khá thì phải có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực thực hành, nghiên cứu, giảng dạy tâm lý học và tâm lý học lâm sàng. |
| 23. | 8229009 | Tôn giáo học | Các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: Các ngành: <i>Tâm lý học, Xã hội học, Gia đình học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|--|---|--|---|
| 24. | 8229009 | Tôn giáo học (Công tác tín ngưỡng, tôn giáo) | Các ngành cùng nhóm ngành với ngành Tôn giáo học, cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học.</i> | Các ngành trong nhóm ngành: Khu vực học, Khoa học chính trị, Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Quản trị - quản lý, Luật, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Du lịch. Cụ thể là các ngành: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. |
| 25. | 8229001 | Triết học | Các ngành: <i>Triết học, Tôn giáo học.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành ngoài ngành phù hợp 1 trong nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn. Cụ thể: <i>Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học</i> + Các ngành: <i>Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông phương học, Việt Nam học.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|---|---|---|---|
| | | | | | hiện hành. | |
| 26. | 8229040 | Văn hóa học | <p>Các ngành: Văn hoá học, Quản lý văn hóa, Lịch sử, Sử phạm Lịch sử, Triết học, Văn học, Hán Nôm, Ngôn ngữ học, Khoa học quản lý, Nhân học, Chính trị học, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Việt Nam học, Tôn giáo học, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Báo chí học, Bảo tàng học.</p> | <p>- Ngành phù hợp 2: Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Thông tin học, Khoa học thư viện, Tâm lý học, Xã hội học, Công tác xã hội, Quan hệ công chúng, Địa lý, Khoa học phát triển.</p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 27. | 8229030 | Văn học | <p>Các ngành: Văn học, Sử phạm ngữ văn</p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả rập</i> + Các ngành: Văn hóa học; Ngôn ngữ học; Triết học; Tôn giáo học; Lịch sử, Quản lý văn hóa; Hán Nôm; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Sáng tác văn học; Việt Nam học, Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Báo chí; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng.</p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|--|---|--|--|
| 28. | 8310630 | Việt Nam học | <p>Các ngành: <i>Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Khu vực học, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Kinh tế học, Xã hội học và Nhân học, Khoa học giáo dục, Quản trị - Quản lý, Du lịch. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Xã hội học, Nhân học, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i> + Các ngành: <i>Địa lý học, Báo chí, Quản lý tài nguyên và môi trường, Luật, Hán Nôm, Chính trị học, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: + Ngành trong nhóm ngành: Tâm lý học, Thông tin - Thư viện, Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử viễn thông, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Cụ thể: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng trình độ đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|-------------------------|---|---|---|---|--|
| 29. | 8310301 | Xã hội học | <p>Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Công tác xã hội, Quản trị - Quản lý, Tâm lý học, Kinh tế học. Cụ thể: <i>Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số.</i> + Các ngành: <i>Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Triết học, Tôn giáo học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Luật, Đông Phương học, Việt Nam học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

PHỤ LỤC 2:

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|----|----------------------------------|--|---|--|--|--|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1. | 9320101 | Báo chí học | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí học, cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành thuộc nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài; Xuất bản – Phát hành, Quản trị - Quản lý. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Xuất bản, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</i> + Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Chính trị học, Quan hệ Quốc tế, Quản lý Nhà nước, Kinh tế chính trị, Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng ký dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng ký dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|----|----------------------------------|--|--|--|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 2. | 9310201 | Chính trị học | <p>Các ngành: <i>Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế, Quản lý nhà nước.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Khác của lĩnh vực Nhân văn, Xã hội học và nhân học, Địa lý học, Khu vực học, Báo chí và truyền thông, Luật. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Xã hội học, Nhân học, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế.</i> + Các ngành: <i>Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 3. | 9760101 | Công tác xã hội | <p>Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội, cụ thể: <i>Công tác xã hội</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Quản trị- quản lý. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</i> + Các ngành: <i>Giáo dục đặc biệt, Đông phương học,</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng ký dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng ký dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|----|----------------------------------|--|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | | | | <p><i>Chính trị học, Triết học, Luật, Lịch sử, Y tế công cộng, Văn hóa học, Tôn giáo học, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện.</i></p> | <p>sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | |
| 4. | 9810101 | Du lịch | <p>Các ngành: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành thuộc nhóm ngành: Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Xã hội học, Nhân học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i> + Các ngành: <i>Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 5. | 9310608.02 | Đông Nam Á học | <p>Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i></p> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: Quan hệ Quốc tế, Kinh tế quốc tế, Lịch sử thế giới, Văn học nước ngoài, Tôn giáo học, Nhân học, Chính trị học, Ngôn ngữ Anh.</p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|--|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (6) |
| | | | | | đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | |
| 6. | 9220104 | Hán Nôm | Ngành: <i>Hán Nôm</i> | Không tuyển | Không tuyển | |
| 7. | 9229010.01 | Khảo cổ học | Các ngành: <i>Khảo cổ học, Lịch sử, Sư phạm lịch sử.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: Các ngành trong Nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Bảo tàng học. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Bảo tàng học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.</p> <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 8. | 9320201 | Khoa học Thông tin - Thư viện | Các ngành: <i>Thông tin – Thư viện, Thông tin học, Khoa học Thư viện, Quản lý thông tin, Khoa học Thông tin – Thư viện</i> | <p>- Ngành/ chuyên ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành đào tạo: Báo chí & Truyền thông; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng; Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản.</i> + Các ngành/chuyên ngành: <i>Lịch sử; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học quản lý.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.</p> <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|----|---|---|---|--|---|---|
| | | | | | chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | |
| 9. | 9229030.01 | Lý luận văn học | Các ngành: Văn học, Lý luận văn học | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành: Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Hán Nôm, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh</p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|--|--|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 10. | 9229010.02 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh.</i> + Các ngành: <i>Lưu trữ học, khoa học thư viện, Khoa học Thông tin – Thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Quan hệ quốc tế.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 11. | 9229010.04 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư - Lưu trữ, Bảo tàng; Khoa học Thông tin - thư viện, Văn hóa học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Hán Nôm. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Khoa học Thông tin - thư viện, Văn hóa học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Hán Nôm.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 12. | 9229010.03 | Lịch sử thế giới | Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư - Lưu trữ, Bảo tàng; Khoa học Thông tin - thư viện. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Khoa học Thông tin - thư viện.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 13. | 9229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Việt Nam</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh</i> + Các ngành: <i>Chính trị học, Khoa học Thư viện, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Lưu trữ học, Việt Nam học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|---|---|---|---|--|--|
| 14. | 9320303 | Lưu trữ học | Các ngành: <i>Lưu trữ học và Tư liệu học, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Lịch sử, Bảo tàng học, Khoa học Thư viện, Hán Nôm, Ngôn ngữ Pháp, Chính sách công và Quản lý công, Quản lý giáo dục.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 15. | 9310613 | Nhật Bản học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> | | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 16. | 9229020.01 | Ngôn ngữ học | <p>Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Su phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 17. | 9229020.02 | Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam | <p>Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Su phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|---|---|--|--|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 18. | 9229020.03 | Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Su phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 19. | 9229020.04 | Ngôn ngữ Việt Nam | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Su phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 20. | 9310302 | Nhân học | Các ngành: <i>Nhân học, Dân tộc học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: <i>Triết học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học, Văn học dân gian, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Xã hội học, Chính trị học, Tâm lý học, Quan hệ quốc tế, Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý khoa học và công nghệ, Bảo tàng học, Công tác xã hội, Y tế công cộng, Du lịch.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 21. | 9310601.01 | Quan hệ quốc tế | <p>- Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> - - Ngành: <i>Quan hệ quốc tế.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i> + Các ngành: <i>Lịch sử thế giới; Luật quốc tế; Chính trị học; Kinh tế học, Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Văn hoá học; Chính sách công; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc.</i> + Các ngành cần có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng: <i>Tình báo an ninh; An ninh phi truyền thống; Nghệ thuật quân sự; Lịch sử nghệ thuật quân sự; Chiến lược quân sự; Chiến lược quốc phòng; Tình báo quân sự</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (6) |
| 22. | 9340412 | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lí giáo dục, Quản trị kinh doanh, Chính trị học, Quản lí kinh tế, Khoa học môi trường, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Thông tin học, Quản lý công nghệ thông tin, Công nghệ vật liệu, dệt may, Quản trị nhân lực.</i> - Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại | | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2/phù hợp 3 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 23. | 9310401 | Tâm lý học | Các ngành: <i>Tâm lí học, Tâm lí học giáo dục.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Công tác xã hội, Xã hội học, Quản lý giáo dục, Giáo dục đặc biệt.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 24. | 9310630.02 | Tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Việt Nam học, cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn, Khoa học chính trị, Xã hội học và Nhân học, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Du lịch, Thông tin – Thư viện, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Cụ thể là các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2/phù hợp 3 hoặc các trường hợp |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|--|--|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | | | | <p><i>học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc.</i></p> | <p>của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>khác nếu có.</p> |
| 25. | 9229009 | Tôn giáo học | <p>Các ngành: <i>Tôn giáo học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Triết học, Giáo dục chính trị</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: Các ngành: <i>Tâm lý học, Gia đình học, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa</i> - Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại</p> | | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2/phù hợp 3 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (6) |
| 26. | 9229001 | Triết học | Các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác của lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh.</i> + Các ngành: <i>Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông Phương học, Việt Nam học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 27. | 9310608.01 | Trung Quốc học | Các ngành/chuyên ngành: <i>Đông phương học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Châu Á học; Quốc tế học, Trung Quốc học</i> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành Du lịch. Cụ thể: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</i> + Các ngành: <i>Văn học nước ngoài, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Tôn giáo học, Hán Nôm, Xã hội học, Nhân học; Thí sinh có bằng thạc sĩ tại Trung Quốc những ngành còn lại.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 28. | 9229030.02 | Văn học dân gian | Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học, Văn học dân gian</i> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: Các ngành: <i>Văn học Việt Nam, Hán Nôm, Lý luận văn học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn hóa dân gian, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh, Việt Nam học, Nhân học, Dân tộc</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. |
|-----|----------------------------------|--|--|---|--|--|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | | | | <i>học.</i> | Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. + Đối với thí sinh có bằng thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam và Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, phải có đề tài luận văn thạc sĩ nghiên cứu về văn học. |
| 29. | 9229030.03 | Văn học nước ngoài | Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học, Văn học nước ngoài</i> | - Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Lý luận văn học; Văn học so sánh; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã số ngành/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ sung kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác. (6) |
|-----|---|---|---|---|---|---|
| 30. | 9229030.04 | Văn học Việt Nam | Các ngành/chuyên ngành: Văn học; Văn học Việt Nam | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Lý luận văn học; Văn học dân gian; Văn học nước ngoài; Văn học so sánh; Việt Nam học; Hán Nôm; Ngôn ngữ Việt Nam; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 31. | 9310301 | Xã hội học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Quản trị - Quản lý, Công tác xã hội, Tâm lý học, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Công tác xã hội, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy, Giáo dục quốc tế và so sánh, Giáo dục đặc biệt.</i> + Các ngành: <i>Triết học, Văn hóa học, Tôn giáo học, Gia đình học, Luật, Đông phương học, Việt Nam học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

PHỤ LỤC 3:
DANH MỤC LIÊN HỆ THU NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÍ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

| TT | Ngành/Chương trình đào tạo | Đầu mối liên hệ | Điện thoại | Email |
|-----------|--|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| 1. | Tôn giáo học, Công tác tín ngưỡng tôn giáo | Cô: Trần Thị Hằng | 0972190498 | hangtran201189@gmail.com |
| 2. | Châu Á học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học | Cô: Vũ Thị Thu Hương | 0904262741 | huongthu74vn@yahoo.com |
| 3. | Du lịch | Cô: Ngô Hải Anh | 0388935556 | haianhngo@vnu.edu.vn |
| 4. | Chính trị học | Cô: Nguyễn Thị Kim Hoa | 0839509868 | hoa.nguyenkimhoa@gmail.com |
| 5. | Chính sách công, Khoa học quản lý, Quản lý khoa học và công nghệ | Thầy: Nguyễn Thế Thắng | 0982687488 | thangvcl@gmail.com |
| 6. | Lịch sử, Quản lý văn hóa, Văn hóa học | Thầy: Nguyễn Nhật Linh | 0918102198 | linhussh@gmail.com |
| 7. | Lưu trữ học, Quản trị văn phòng | Cô: Lê Tuyết Mai | 0988556182 | maiqth@gmail.com |
| 8. | Ngôn ngữ học | Thầy: Đoàn Cảnh Tuấn | 0357866197 | doancanhtuan.nnh@gmail.com |
| 9. | Nhân học | Cô: Ngô Thị Chang | 0941903855 | changanthro1911@ussh.edu.vn |
| 10. | Quốc tế học (Quan hệ quốc tế) | Cô: Vũ Vân Anh | 0908169090 | vuvananh.1611@gmail.com |
| 11. | Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng | Cô: Đặng Thanh Hoài | 0339462754 | hoaidt@vnu.edu.vn |
| 12. | Khoa học Thông tin – Thư viện | Cô: Nguyễn Thị Ngọc Thảo | 0978527421 | nguyenthingocthao@vnu.edu.vn |
| 13. | Triết học | Cô: Phạm Quỳnh Chinh | 0988903477 | chi.phamkxhnv@gmail.com |
| 14. | Văn học, Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh truyền hình | Cô: Nguyễn Thị Thanh Tâm | 0988407524 | thanhtam301078@gmail.com |
| 15. | Việt Nam học, Tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam | Cô: Vũ Thị Xuyên | 0932240988 | xuyenvu52ls@gmail.com |
| 16. | Xã hội học, Công tác xã hội | Thầy: Bùi Thanh Minh | 098 3678874 | buihanhminh88@gmail.com |
| 17. | Báo chí học, Quản trị báo chí truyền thông | Cô: Trương Diệp Vân | 0988548699 | dvanbc@gmail.com |

PHỤ LỤC 4:
DANH MỤC HỌC PHẦN/THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC KIẾN THỨC DỰ TUYỂN THẠC SĨ

| TT | Chương trình đào tạo thạc sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3/phù hợp khác | |
|--|------------------------------|---|-----------------|--|------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần | Số tín chỉ |
| 1 | Báo chí học | Lý luận Báo chí truyền thông | 3 | | |
| | | Thể loại Báo chí Truyền thông | 3 | | |
| | | Loại hình Báo chí truyền thông | 3 | | |
| | | Lao động nhà báo và cơ quan báo chí | 3 | | |
| 2 | Châu Á học | Lịch sử phương Đông | 3 | Lịch sử phương Đông | 3 |
| | | Văn hoá văn minh phương Đông | 3 | Văn hoá văn minh phương Đông | 3 |
| | | Khu vực học đại cương | 3 | Khu vực học đại cương | 3 |
| | | / | / | Quan hệ quốc tế Đông Bắc Á | 3 |
| | | / | / | Quan hệ quốc tế Đông Nam Á và Nam Á | 3 |
| 3 | Chính sách công | Khoa học quản lí đại cương | 3 | Khoa học quản lí đại cương | 3 |
| | | Khoa học chính sách | 3 | Khoa học chính sách | 3 |
| | | Chính trị học đại cương | 3 | Chính trị học đại cương | 3 |
| | | Lý luận về nhà nước và pháp luật | 3 | Lý luận về nhà nước và pháp luật | 3 |
| | | / | / | Khoa học tổ chức | 3 |
| 4 | Chính trị học | Các học phần bắt buộc | 9 | | |
| | | Chính trị học đại cương | 3 | | |
| | | Lịch sử học thuyết chính trị | 3 | | |
| | | Đảng chính trị | 3 | | |
| | | Các học phần tự chọn | 6/24 | | |
| | | Quyền lực chính trị | 3 | | |
| | | Nhập môn Hồ Chí Minh học | 3 | | |
| | | Chính sách đối ngoại của Việt Nam | 3 | | |
| | | Chính trị và Truyền thông | 3 | | |
| | | Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 3 | | |
| | | Nhập môn chính trị quốc tế | 3 | | |
| | | Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam | 3 | | |
| | | Văn hóa chính trị Việt Nam | 3 | | |
| | | 5 | Công tác xã hội | Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội | 3 |
| Hành vi con người và môi trường xã hội | 3 | | | | |
| Công tác xã hội cá nhân | 3 | | | | |
| Công tác xã hội nhóm | 3 | | | | |

| TT | Chương trình đào tạo thạc sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3/phù hợp khác | |
|----|--|--|------------|--|------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần | Số tín chỉ |
| | | Phát triển cộng đồng | 3 | | |
| 6 | Du lịch | Quản trị kinh doanh khách sạn | 3 | Nhập môn du lịch | 3 |
| | | Quản trị kinh doanh lữ hành | 3 | Quản trị kinh doanh khách sạn | 3 |
| | | Tổng quan sự kiện | 3 | Quản trị kinh doanh lữ hành | 3 |
| | | Kinh doanh dịch vụ bổ sung | 3 | Tổng quan sự kiện | 3 |
| | | / | / | Kinh doanh dịch vụ bổ sung | 3 |
| 7 | Hán Nôm | Văn tự học Hán Nôm | 2 | | |
| | | Ngữ pháp văn ngôn | 3 | | |
| | | Tứ thư 1 (Luận ngữ - Mạnh Tử) | 3 | | |
| | | Tứ thư 2 (Đại học - Trung dung) | 2 | | |
| | | Ngũ kinh 1 (Thi - Thư) | 3 | | |
| | | Ngũ kinh 2 (Lễ - Dịch - Xuân Thu Tả truyện) | 4 | | |
| | | Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XX | 4 | | |
| | | Chữ Nôm | 4 | | |
| 8 | Khoa học quản lý | Khoa học quản lý đại cương | 3 | Khoa học quản lý đại cương | 3 |
| | | Khoa học chính sách | 3 | Khoa học chính sách | 3 |
| | | Lịch sử tư tưởng quản lý | 3 | Lịch sử tư tưởng quản lý | 3 |
| | | Quản lý nguồn nhân lực | 3 | Quản lý nguồn nhân lực | 3 |
| | | / | / | Văn hoá và đạo đức quản lý | 3 |
| 9 | Khoa học thông tin thư viện | Thông tin học đại cương | 2 | | |
| | | Thư viện học đại cương | 2 | | |
| | | Phát triển nguồn lực thông tin | 2 | | |
| | | Xử lý thông tin 1 | 2 | | |
| | | Xử lý thông tin 2 | 2 | | |
| | | Thư viện số | 2 | | |
| | | Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện | 2 | | |
| 10 | Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình | Nghệ thuật học đại cương | 3 | Nghệ thuật học đại cương | 3 |
| | | Nhập môn nghệ thuật điện ảnh | 3 | Nhập môn nghệ thuật điện ảnh | 3 |
| | | Chuyển thể kịch bản trong nghệ thuật điện ảnh | 3 | Chuyển thể kịch bản trong nghệ thuật điện ảnh | 3 |
| | | Lý luận truyền hình | 3 | Những khuynh hướng cơ bản trong văn hóa nghệ thuật thế kỷ XX | 3 |
| | | / | / | Lý luận phê bình nghệ thuật | 3 |
| | | / | / | Lý luận truyền hình | 3 |
| 11 | Lịch sử | Lịch sử Việt Nam cổ trung đại | 4 | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại | 4 |
| | | Lịch sử thế giới cổ trung đại | 4 | Lịch sử Việt Nam cận đại | 3 |

| TT | Chương trình đào tạo thạc sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3/phù hợp khác | |
|----|--------------------------------------|--|------------|--|------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần | Số tín chỉ |
| | | Cơ sở Văn hóa Việt Nam | 3 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | 4 |
| | | Cơ sở khảo cổ học Việt Nam | 3 | Lịch sử thế giới cổ - trung đại | 4 |
| | | Phương pháp luận sử học | 2 | Lịch sử thế giới cận đại | 3 |
| | | / | / | Lịch sử thế giới hiện đại | 3 |
| | | / | / | Cơ sở Văn hóa Việt Nam | 3 |
| | | / | / | Cơ sở khảo cổ học | 3 |
| | | / | / | Phương pháp luận sử học | 3 |
| 12 | Lưu trữ học | Nhập môn Quản trị văn phòng | 3 | | |
| | | Lý luận và phương pháp công tác văn thư | 2 | | |
| | | Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ | 3 | | |
| | | Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ | 3 | | |
| 13 | Ngôn ngữ học (định hướng nghiên cứu) | Ngôn ngữ học đại cương | 3 | | |
| | | Ngữ âm học và từ vựng học tiếng Việt | 3 | | |
| | | Ngữ nghĩa học tiếng Việt | 2 | | |
| | | Ngữ pháp học tiếng Việt | 3 | | |
| | | Ngôn ngữ học ứng dụng | 2 | | |
| | | Ngữ dụng học tiếng Việt | 2 | | |
| 14 | Nhân học | Nhân học đại cương | 3 | | |
| | | Các phương pháp nghiên cứu nhân học | 3 | | |
| | | Lịch sử và các lý thuyết nhân học | 3 | | |
| | | Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam | 3 | | |
| 15 | Nhật Bản học | | | Các học phần BSKT sẽ được quy định khi đánh giá hồ sơ dự tuyển | |
| 16 | Quan hệ quốc tế | Học phần bắt buộc | 9 | | |
| | | Lịch sử Quan hệ quốc tế | 3 | | |
| | | Quan hệ đối ngoại Việt Nam | 3 | | |
| | | Nhập môn Quan hệ quốc tế | 3 | | |
| | | Học phần tự chọn | 3/6 | | |
| | | Kinh tế quốc tế | 3 | | |
| | | Luật pháp quốc tế | 3 | | |
| 17 | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Khoa học quản lý đại cương | 3 | | |
| | | Tổng quan Sở hữu trí tuệ | 3 | | |
| | | Lý thuyết hệ thống và điều khiển học | 3 | | |
| | | Khoa học và Công nghệ luận | 3 | | |
| 18 | Quản lý văn hoá | Lịch sử văn minh thế giới | 3 | | |

| TT | Chương trình đào tạo thạc sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3/phù hợp khác | |
|----|---|---|------------|--|------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần | Số tín chỉ |
| | | Cơ sở Văn hóa Việt Nam | 3 | | |
| | | Khoa học quản lý đại cương | 3 | | |
| | | Nhân học đại cương | 3 | | |
| | | Tổng quan về tôn giáo tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam | 3 | | |
| 19 | Quản trị báo chí truyền thông (định hướng ứng dụng) | Lý luận báo chí, truyền thông | 3 | | |
| | | Thể loại báo chí, truyền thông | 3 | | |
| | | Loại hình báo chí, truyền thông | 3 | | |
| | | Lao động nhà báo và cơ quan báo chí | 3 | | |
| 20 | Quản trị văn phòng | Nhập môn Quản trị văn phòng | 3 | Nhập môn quản trị văn phòng | 3 |
| | | Các lý thuyết quản trị | 3 | Các lý thuyết quản trị | 3 |
| | | Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ | 3 | Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ | 3 |
| | | Văn hoá công sở | 3 | Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp | 3 |
| | | / | / | Văn hoá công sở | 3 |
| | | / | / | Lễ tân văn phòng | 3 |
| 21 | Tâm lý học | Phương pháp nghiên cứu tâm lý học | 3 | | |
| | | Những vấn đề cơ bản của tâm lý học | 3 | | |
| | | Tâm lý học tham vấn | 3 | | |
| | | Tâm lý học quản lý | 3 | | |
| | | Tâm lý học xã hội | 3 | | |
| 22 | Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng) | Tâm lý học gia đình | 3 | | |
| | | Tâm lý học tham vấn | 3 | | |
| | | Tâm lý học phát triển | 3 | | |
| | | Tâm lý học lâm sàng đại cương | 3 | | |
| | | Tâm bệnh học đại cương | 3 | | |
| | | Tâm lý trị liệu | 3 | | |
| | | Đánh giá trong tâm lý học lâm sàng | 3 | | |
| 23 | Tôn giáo học | Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh | 3 | | |
| | | Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam | 3 | | |
| | | Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp | 3 | | |
| | | Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo | 3 | | |
| 24 | Tôn giáo học (chương trình đào tạo Công tác tín, ngưỡng tôn giáo) | Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh | 3 | Học phần bắt buộc | 12 |
| | | Quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam | 3 | Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh | 3 |

| TT | Chương trình đào tạo thạc sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3/phù hợp khác | |
|----|------------------------------|---|------------|--|------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần | Số tín chỉ |
| | | Kỹ năng, nghiệp vụ công tác tôn giáo | 3 | Quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam | 3 |
| | | Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo | 3 | Kỹ năng, nghiệp vụ công tác tôn giáo | 3 |
| | | / | / | Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo | 3 |
| | | / | / | Học phần tự chọn | 3/9 |
| | | / | / | Nhập môn phương pháp nghiên cứu tôn giáo học | 3 |
| | | / | / | Thực hiện chính sách tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số và nhận diện lợi dụng tôn giáo | 3 |
| | | / | / | Tôn giáo, tín ngưỡng: những vấn đề lý luận và thực tiễn | 3 |
| 25 | Triết học | Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử | 3 | | |
| | | Triết học phương Đông và Triết học phương Tây | 3 | | |
| | | Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | | |
| | | Chuyên đề Logic học | 3 | | |
| | | Chuyên đề Mỹ học - Đạo đức học | 3 | | |
| 26 | Văn hóa học | Lịch sử văn minh thế giới | 3 | | |
| | | Cơ sở Văn hóa Việt Nam | 3 | | |
| | | Không gian văn hoá | 3 | | |
| | | Tiếp xúc và giao lưu văn hoá ở Việt Nam | 3 | | |
| | | Tổng quan về tôn giáo tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam | 3 | | |
| 27 | Văn học | Dẫn luận văn học | 3 | | |
| | | Tác phẩm và loại thể văn học | 4 | | |
| | | Văn học Việt Nam thế kỷ 10-17 | 3 | | |
| | | Văn học Việt Nam thế kỷ 18-19 | 3 | | |
| | | Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 | 3 | | |
| | | Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay | 3 | | |
| 28 | Việt Nam học | Nhập môn Việt Nam học | 3 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 3 |
| | | Lịch sử Việt Nam đại cương | 3 | Nhập môn Việt Nam học | 3 |
| | | Việt ngữ học đại cương | 3 | Lịch sử Việt Nam đại cương | 3 |
| | | / | / | Việt ngữ học đại cương | 3 |
| | | / | / | Các dân tộc Việt Nam | 3 |
| | | / | / | Địa lý Việt Nam | 3 |

| TT | Chương trình đào tạo thạc sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3/phù hợp khác | |
|----|------------------------------|-----------------------------------|------------|--|------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần | Số tín chỉ |
| 29 | Xã hội học | Nhập môn xã hội học | 3 | | |
| | | Lý thuyết xã hội học | 4 | | |
| | | Phương pháp nghiên cứu xã hội học | 4 | | |
| | | Chính sách xã hội | 3 | | |

PHỤ LỤC 5:
DANH MỤC HỌC PHẦN/THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC KIẾN THỨC DỰ TUYỂN TIẾN SĨ

| TT | Chương trình đào tạo tiến sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3 |
|----|-------------------------------|--|------------|--------------------------------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần |
| 1 | Báo chí học | Lý luận và thực tiễn các loại hình báo chí | 4 | |
| | | Các phương pháp thiết kế và triển khai nghiên cứu truyền thông | 3 | |
| | | Xu hướng phát triển của báo chí hiện đại | 4 | |
| 2 | Chính trị học | Hệ thống chính trị Việt Nam nâng cao | 5 | Hệ thống chính trị Việt Nam nâng cao |
| | | Nhà chính trị Hồ Chí Minh | 5 | Nhà chính trị Hồ Chí Minh |
| | | Lý luận đảng cầm quyền | 5 | Lý luận đảng cầm quyền |
| | | / | / | Các định chế quốc tế |
| | | / | / | Chính trị trong toàn cầu hóa |
| 3 | Công tác xã hội | Nhập môn công tác xã hội và an sinh xã hội | 3 | |
| | | Hành vi con người và môi trường xã hội | 3 | |
| | | Công tác xã hội với cá nhân | 3 | |
| | | Công tác xã hội với nhóm | 3 | |
| | | Phát triển cộng đồng | 3 | |
| 4 | Du lịch | Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch | 4 | |
| | | Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch | 3 | |
| | | Quản lý điểm đến du lịch | 3 | |
| 5 | Đông Nam Á học | Lịch sử phát triển của các quốc gia châu Á | 3 | |
| | | Các vấn đề văn hoá - văn minh châu Á | 3 | |
| | | Chính trị và quan hệ quốc tế khu vực châu Á | 3 | |
| 6 | Hán Nôm | Chỉ tuyển người tốt nghiệp ngành Hán Nôm | / | |
| 7 | Khảo cổ học | Khảo cổ học Việt Nam | 2 | |
| | | Một số vấn đề khảo cổ học khu vực | 2 | |
| | | Khảo cổ học nghệ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam | 2 | |
| | | Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học sau khai quật | 2 | |
| | | Khảo cổ học biển đảo Việt Nam | 2 | |
| | | Gốm sứ học và lịch sử gốm sứ Việt Nam | 2 | |
| 8 | Khoa học Thông tin - Thư viện | Thông tin học đại cương | 2 | |
| | | Thư viện học đại cương | 2 | |
| | | Phát triển nguồn lực thông tin | 2 | |

| TT | Chương trình đào tạo tiến sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3 |
|----|--------------------------------|--|------------|-----------------------------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần |
| | | Xử lý thông tin 1 | 2 | |
| | | Xử lý thông tin 2 | 2 | |
| | | Thư viện số | 2 | |
| | | Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện | 2 | |
| 9 | Lí luận văn học | Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại, hậu hiện đại | 2 | |
| | | Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật | 2 | |
| | | Lý thuyết tự sự học | 2 | |
| | | Phương pháp luận nghiên cứu văn học | 2 | |
| 10 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam – Từ lịch sử đến hiện tại | 3 | |
| | | Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng | 2 | |
| | | Đường lối quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | |
| | | Đảng với vấn đề ruộng đất và nông nghiệp, nông thôn qua các thời kì cách mạng | 2 | |
| 11 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Một số vấn đề cơ bản về lý luận sử học | 3 | |
| | | Phương pháp thống kê và xử lý nguồn sử liệu đám đông | 2 | |
| | | Tư tưởng sử học qua các thời đại | 2 | |
| | | Sử học Việt Nam trong thời kì Đổi Mới | 2 | |
| | | Các phương pháp sử liệu học | 2 | |
| | | Lịch sử thư tịch Việt Nam | 2 | |
| 12 | Lịch sử thế giới | Đông Nam Á và quá trình hội nhập của Việt Nam | 3 | |
| | | Một số vấn đề lịch sử kinh tế - xã hội phương Đông – so sánh với phương Tây | 2 | |
| | | Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Đặc điểm và Xu hướng | 2 | |
| | | Hoạt động bang giao của Trung Quốc dưới thời nhà Minh (1368-1644) và nhà Thanh (1644-1911) | 2 | |
| | | Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với một số nước châu Á từ sau năm 1991 | 2 | |
| 13 | Lịch sử Việt Nam | Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam | 3 | |
| | | Thiết chế chính trị Việt Nam trong lịch sử | 2 | |

| TT | Chương trình đào tạo tiến sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3 |
|----|--|---|------------|-----------------------------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần |
| | | Các khuynh hướng tư tưởng ở Việt Nam thời kỳ cận đại | 2 | |
| | | Một số vấn đề về kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ cận hiện đại | 2 | |
| | | Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam | 2 | |
| | | Chính trị và Tôn giáo trong lịch sử Việt Nam | 2 | |
| 14 | Lưu trữ học | Lý thuyết lưu trữ | 4 | |
| | | Tổ chức quản lý lưu trữ | 3 | |
| | | Chính sách lưu trữ | 3 | |
| | | Thực hiện chuyên đề nghiên cứu: Tổ chức hệ thống thông tin tài liệu lưu trữ | 4 | |
| 15 | Nhật Bản học | Chỉ tuyển các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học | / | |
| 16 | Nhân học | Nhân học đại cương | 3 | |
| | | Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam | 3 | |
| | | Một số vấn đề lịch sử và lý thuyết nhân học | 3 | |
| | | Một số vấn đề nâng cao trong nghiên cứu nhân học | 3 | |
| 17 | Ngôn ngữ học | Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ | 2 | |
| | | Ngôn ngữ và tư duy | 2 | |
| | | Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. | 2 | |
| | | Các vấn đề thời sự trong ngữ pháp học | 2 | |
| | | Các vấn đề thời sự trong ngữ nghĩa học | 2 | |
| | | Các vấn đề thời sự trong ngữ dụng học | 2 | |
| 18 | Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam | Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ | 2 | |
| | | Ngôn ngữ và tư duy | 2 | |
| | | Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. | 2 | |
| | | Các vấn đề thời sự trong ngữ pháp học | 2 | |
| | | Các vấn đề thời sự trong ngữ nghĩa học | 2 | |
| | | Các vấn đề thời sự trong ngữ dụng học | 2 | |
| 19 | Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu | Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ | 2 | |
| | | Ngôn ngữ và tư duy | 2 | |
| | | Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. | 2 | |
| | | Các vấn đề ngữ pháp học | 2 | |
| | | Các vấn đề ngữ nghĩa học | 2 | |

| TT | Chương trình đào tạo tiến sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3 |
|----|-------------------------------|---|------------|---|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần |
| | | Các vấn đề ngữ dụng học | 2 | |
| 20 | Ngôn ngữ Việt Nam | Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ | 2 | |
| | | Ngôn ngữ và tư duy | 2 | |
| | | Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. | 2 | |
| | | Các vấn đề ngữ pháp học | 2 | |
| | | Các vấn đề ngữ nghĩa học | 2 | |
| | | Các vấn đề ngữ dụng học | 2 | |
| 21 | Quan hệ quốc tế | Học phần bắt buộc | 9 | |
| | | Lý thuyết quan hệ quốc tế | 3 | |
| | | Quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh | 3 | |
| | | Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế nâng cao | 3 | |
| | | Học phần tự chọn | 3/6 | |
| | | Quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới | 3 | |
| | | An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế | 3 | |
| 22 | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Phân tích chính sách khoa học và công nghệ | 3 | Phân tích chính sách khoa học và công nghệ |
| | | Quản lý Sở hữu Trí tuệ | 3 | Quản lý Sở hữu Trí tuệ |
| | | Phương pháp luận khoa học và công nghệ | 4 | Phương pháp luận khoa học và công nghệ |
| | | / | / | Xã hội học khoa học, công nghệ và môi trường |
| 23 | Tôn giáo học | Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCS Việt Nam về Tôn giáo | 3 | Các học phần bắt buộc |
| | | Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội | 3 | Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCS Việt Nam về Tôn giáo |
| | | Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo | 3 | Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội |
| | | Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay | 3 | Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo |
| | | / | / | Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay |
| | | / | / | Tín ngưỡng, tôn giáo khu vực Đông Nam Á |
| | | / | / | Các học phần tự chọn |
| | | / | / | Nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam |
| | | / | / | Tôn giáo mới trong bối cảnh toàn cầu |
| | | / | / | Thực hành nghiệp vụ Công tác tôn giáo ở Việt Nam |
| / | / | | | |

| TT | Chương trình đào tạo tiến sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3 |
|----|------------------------------|---|-------------|-----------------------------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần |
| 24 | Tâm lý học | Các học phần bắt buộc | 6 | |
| | | Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học | 3 | |
| | | Tổng quan tài liệu | 3 | |
| | | Các học phần tự chọn | 3/21 | |
| | | Đạo đức nghề tâm lý | 3 | |
| | | Tâm lý học xuyên văn hóa | 3 | |
| | | Kỹ năng tham vấn | 3 | |
| | | Tâm lý học xã hội ứng dụng | 3 | |
| | | Động thái nhóm và lãnh đạo | 3 | |
| | | Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em | 3 | |
| | | Tâm lý học quản lý nhân sự | 3 | |
| 25 | Triết học | Thế giới quan, Phương pháp luận và Phương pháp nghiên cứu triết học | 3 | |
| | | Chủ nghĩa xã hội và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 3 | |
| | | Tư tưởng triết học Việt Nam: Truyền thống và hiện đại | 2 | |
| | | Triết học về con người trong cách mạng khoa học - công nghệ | 2 | |
| | | Kinh điển Tam giáo | 3 | |
| | | Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn | 2 | |
| 26 | Trung Quốc học | Phương pháp luận nghiên cứu châu Á | 3 | |
| | | Chính trị và quan hệ quốc tế khu vực châu Á | 3 | |
| | | Các vấn đề xã hội châu Á | 3 | |
| 27 | Văn học dân gian | Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình học | 2 | |
| | | Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa | 2 | |
| | | Các vấn đề hiện đại và đương đại của Folklore | 2 | |
| | | Nghiên cứu Folklore theo tiến trình lịch sử | 2 | |
| 28 | Văn học nước ngoài | Lịch sử phê bình văn học phương Tây | 2 | |
| | | Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ đổi mới | 2 | |
| | | Tiểu thuyết cổ điển Nga -những vấn đề thi pháp thể loại | 2 | |
| | | Mỹ học cổ điển Ấn Độ và ảnh hưởng đối với Việt Nam | 2 | |

| TT | Chương trình đào tạo tiến sĩ | Danh mục học phần ngành phù hợp 2 | | Danh mục học phần ngành phù hợp 3 |
|----|--|--|------------|-----------------------------------|
| | | Học phần | Số tín chỉ | Học phần |
| 29 | Văn học Việt Nam | Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học | 2 | |
| | | Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hoá | 2 | |
| | | Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam | 2 | |
| | | Các vấn đề đương đại của văn học Việt Nam | 2 | |
| 30 | Xã hội học | Nhập môn xã hội học | 3 | Nhập môn xã hội học |
| | | Lý thuyết xã hội học | 4 | Lý thuyết xã hội học |
| | | Phương pháp nghiên cứu xã hội học | 4 | Phương pháp nghiên cứu xã hội học |
| | | Chính sách xã hội | 3 | Chính sách xã hội |
| | | / | / | Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng |
| 31 | Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam (thuộc ngành Việt Nam học) | Những đặc trưng cơ bản của tiếng Việt | 3 | |
| | | Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam | 3 | |
| | | Nghệ thuật Việt Nam: truyền thống và hiện đại | 3 | |
| | | Phương pháp tiếp cận liên ngành | 3 | |